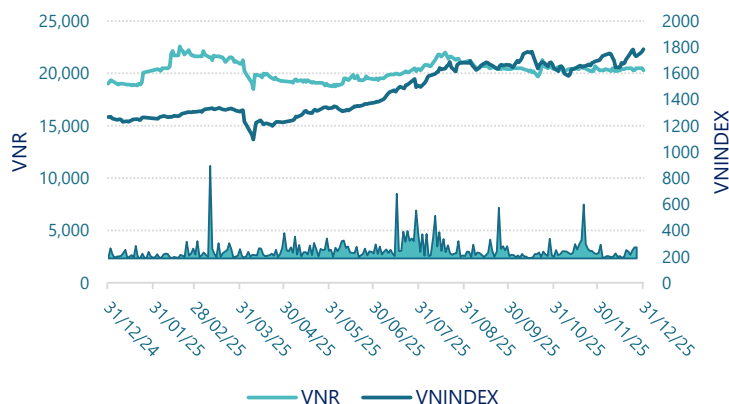


Tổng CTCP Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (HNX: VNR)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	20,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,571
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,491
SL cổ phiếu LH	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,420
% sở hữu nước ngoài	27.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	
P/E	
EPS	

DT thuần

Q4/25

204

tỷ VNĐ

QoQ: ▼289 | -58.6%

YoY: ▼128 | -38.6%

LN sau thuế

Q4/25

0

tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT

2025

42.8%

+/- YoY: ▲ 42.8%

DT thuần

2025

1,724

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 120 | 7.5%

LN sau thuế

2025

0

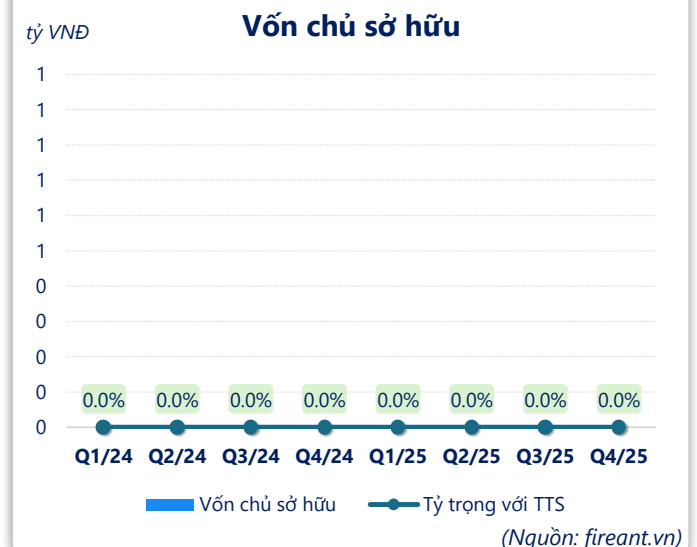
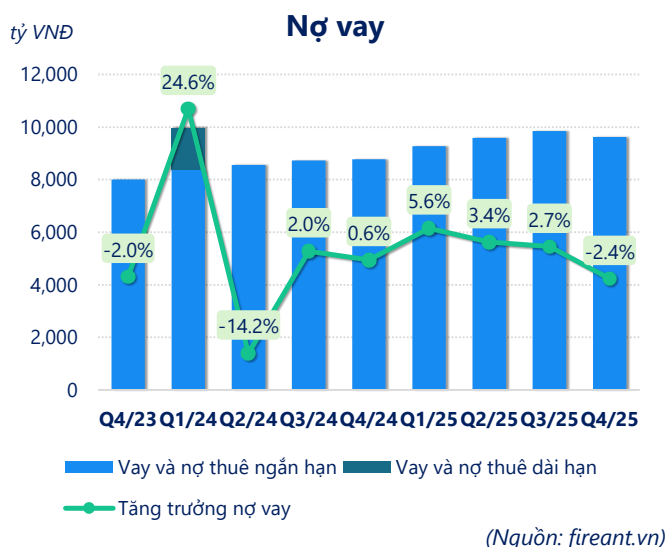
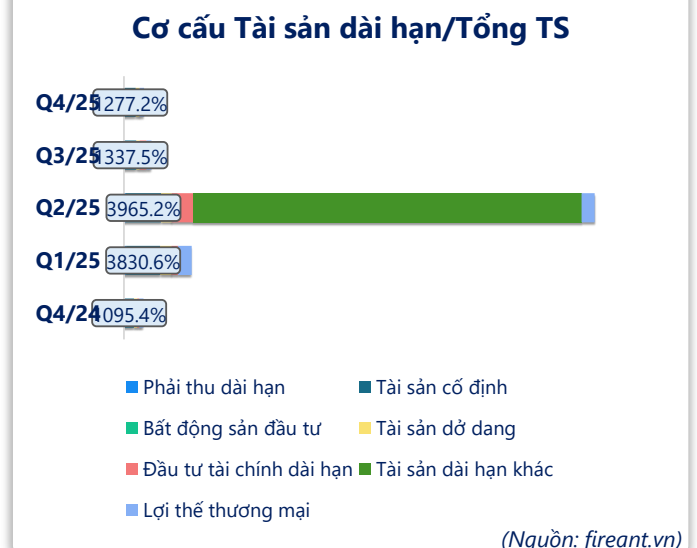
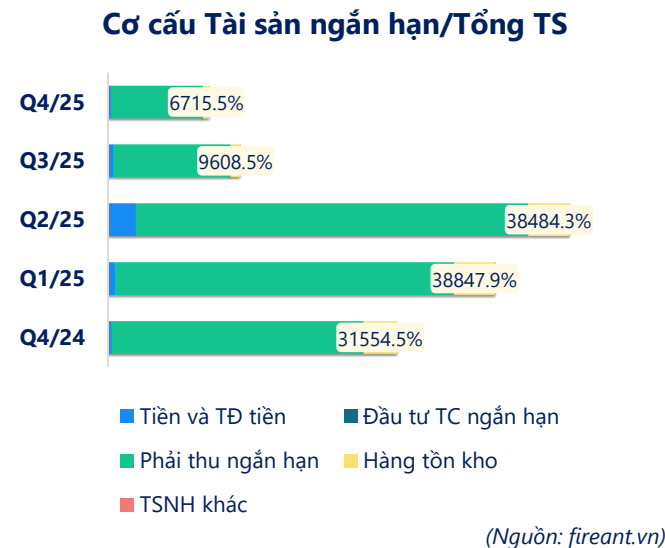
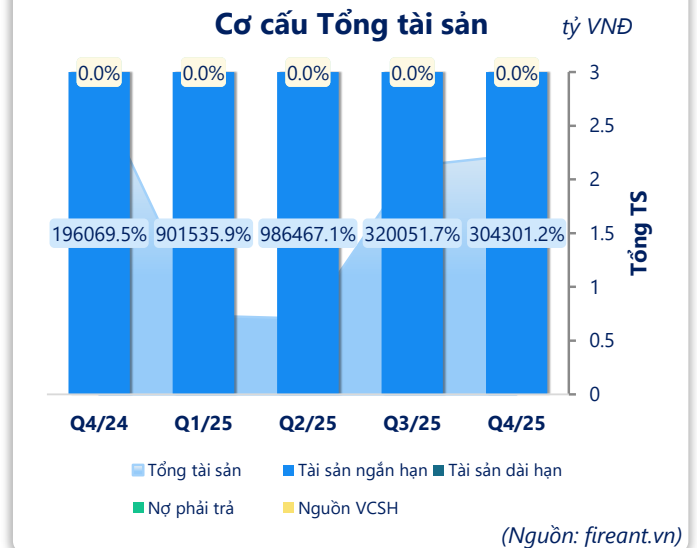
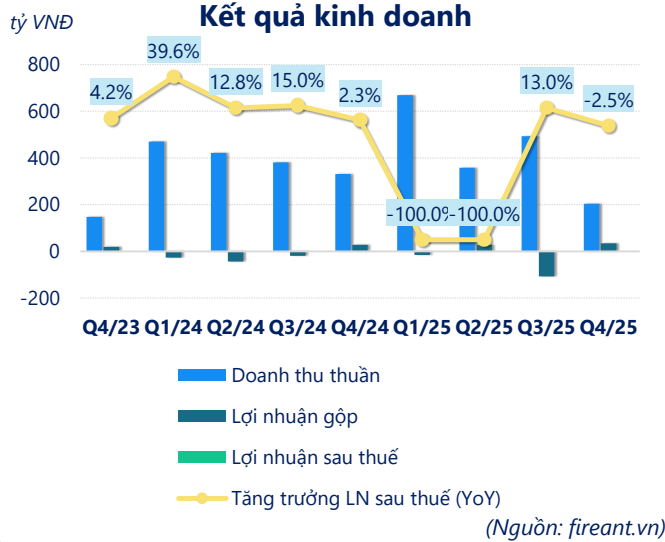
tỷ VNĐ

ROE

2025

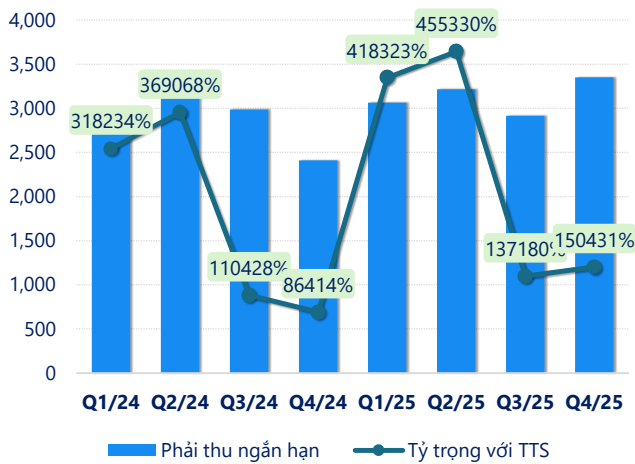
#VALUE!

#VALUE!



tỷ VNĐ

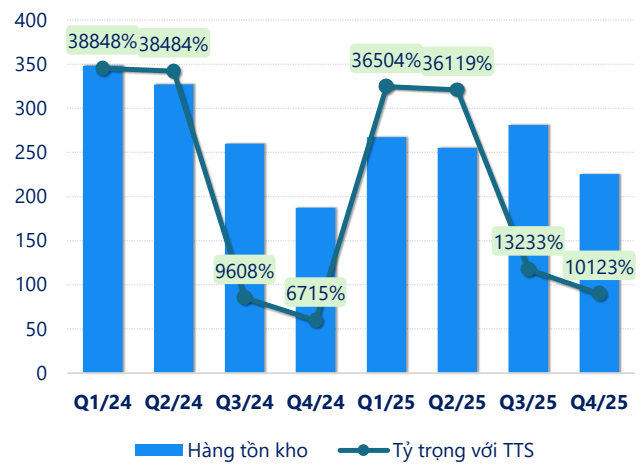
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

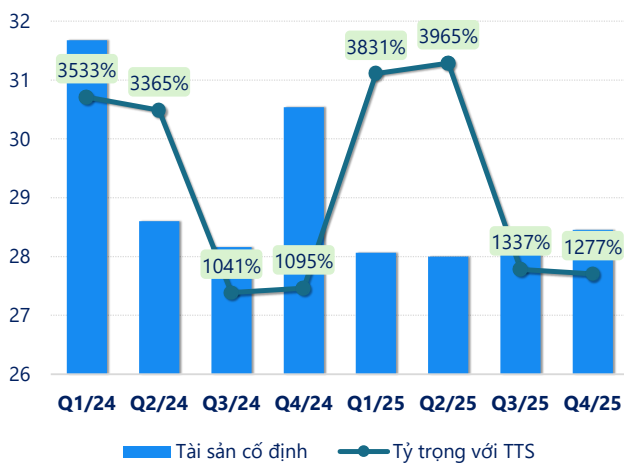
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

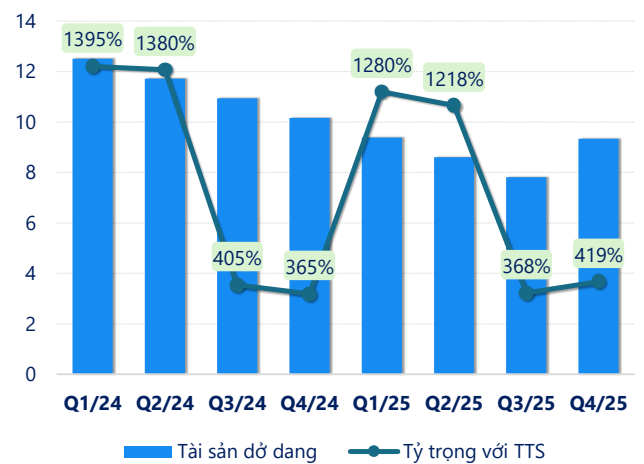
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

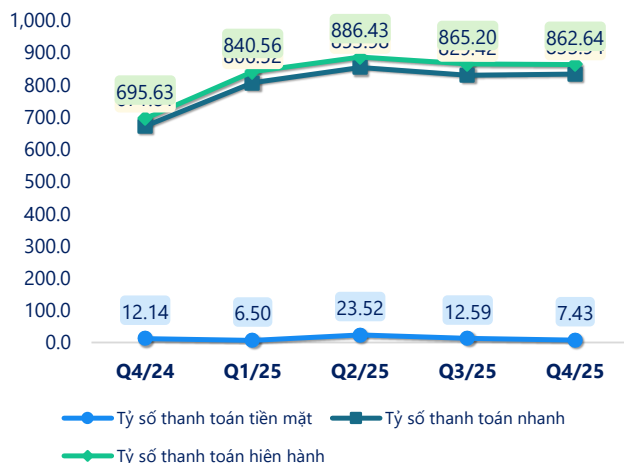
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



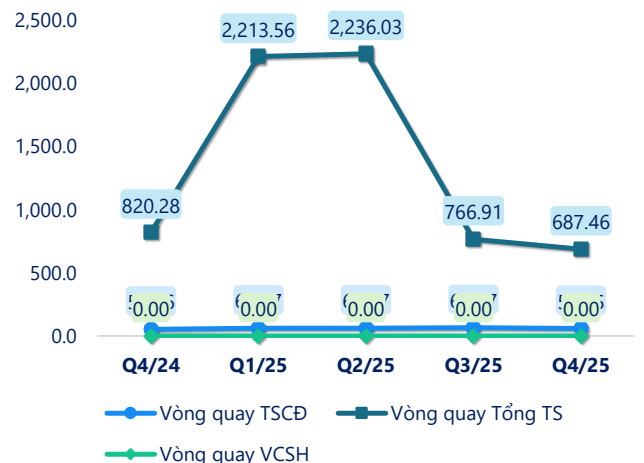
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2.79	0.73	0.71	2.12	2.23
Tài sản ngắn hạn	5,467	6,605	6,966	6,799	6,779
Tiền và tương đương tiền	95.4	51.1	185	99.0	58.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	2,409	3,065	3,215	2,914	3,351
Hàng tồn kho	187	267	255	281	226
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.07	0.07	0.08	0.06
Tài sản dài hạn	0	0	0	0	0
Phải thu dài hạn	1.09	1.84	1.56	1.56	1.54
Tài sản cố định	30.5	28.1	28.0	28.4	28.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	10.2	9.38	8.60	7.82	9.34
Đầu tư tài chính dài hạn	6.20	5.49	17.1	16.1	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	309	0	0
Lợi thế thương mại	13.3	11.3	10.4	12.3	11.3
Nợ phải trả	0	0	0	0	0
Nợ ngắn hạn	7.86	7.86	7.86	7.86	7.86
Vay và nợ thuê ngắn hạn	8,778	9,271	9,590	9,850	9,616
Phải trả người bán ngắn hạn	4,804	5,230	5,588	5,741	5,392
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	0	0	0	0	0
Vốn điều lệ	3,940	4,010	3,968	4,075	4,188
Kinh phí và quỹ khác	29.1	28.5	32.6	34.2	34.2

(Nguồn: fireant.vn)